

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày 31/7/2019

V/v: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Truyền

Ông Trần Văn Phùng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hôn nhân đã thụ lý số 176/2019/TLST – HN ngày 15/5/2019 về việc: “**Xin ly hôn**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HN ngày 17/7/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Thanh S, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh B.

Bị đơn: Trần Nguyễn Thụy V, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2019 và lời trình bày trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Phan Thanh S trình bày: Anh Phan Thanh S và chị Trần Nguyễn Thụy V kết hôn vào năm 2015, dựa trên điều kiện quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh B. Sau khi kết hôn anh S, chị V sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Anh S, chị V ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay anh Phan Thanh S thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Con chung Phan Trần Trâm A, sinh ngày 28/3/2011, hiện cháu sống với chị V. Nay anh S đồng ý sau khi ly hôn để chị V trực tiếp nuôi con, anh S cấp dưỡng nuôi con tháng 1.500.000 đồng.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 6 năm 2019 chị Trần Nguyễn Thụy V trình bày: Chị V đồng ý ly hôn với anh Phan Thanh S, con chung chị V yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con tháng 1.500.000 đồng. Tài sản chung, nợ chung không có.

Cháu Phan Trần Trâm A trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn cháu A có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phan Thanh S và chị Trần Nguyễn Thụy V. Con chung chị V trực tiếp nuôi Phan Trần Trâm A, sinh ngày 28/3/2011, anh S cấp dưỡng nuôi con tháng 1.500.000 đồng. Tài sản chung, nợ chung: anh S, chị V trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN;

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Nguyên đơn trình bày. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Phan Thanh S yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Nguyễn Thụy V nên căn cứ vào điều 51 Luật hôn nhân gia đình xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận ngày 10/5/2019 của Công an xã Phước Mỹ Trung đã xác nhận chị Trần Nguyễn Thụy V hiện đang sinh sống tại xã P, huyện M, tỉnh B. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[3] Nội dung vụ án:

Chị Trần Nguyễn Thụy V có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị V.

Anh Phan Thanh S và chị Trần Nguyễn Thụy V kết hôn vào năm 2015 điều kiện kết hôn nhân là do quen biết và tự nguyện đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh B. Như vậy, hôn nhân của anh Phan Thanh S và chị Trần Nguyễn Thụy V là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phan Thanh S, anh S cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do bất đồng ý kiến, cuộc sống không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Chị Trần Nguyễn Thụy V cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn giữa anh

S, chị V không khắc phục được, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn của anh S, chị V là phù hợp.

[4] Con chung: Phan Trần Trâm A, sinh ngày 28/3/2011. Nay anh S yêu cầu để chị V tiếp tục nuôi cháu Trâm A, chị V cũng đồng ý tiếp tục nuôi cháu Trâm A và chị V yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Anh S đồng ý cấp dưỡng tháng 1.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của anh S, chị V là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên tòa ghi nhận.

[5] Tài sản chung: Anh Phan Thanh S và chị Trần Nguyễn Thụy V trình bày không có nên không xem xét.

[6] Nợ chung: Anh Phan Thanh S và chị Trần Nguyễn Thụy V trình bày không có nên không xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, anh Phan Thanh S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng anh S phải nộp.

[8] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Phan Thanh S và chị Trần Nguyễn Thụy V.

Anh Phan Thanh S và chị Trần Nguyễn Thụy V được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: chị Trần Nguyễn Thụy V trực tiếp nuôi Phan Trần Trâm A, sinh ngày 28/3/2011, anh S cấp dưỡng nuôi con tháng 1.500.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi cháu Trâm A tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của anh S, chị V Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm anh Phan Thanh S phải nộp là 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng anh Phan Thanh S nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002932 ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mô Cày Bắc. Anh Phan Thanh S phải nộp thêm 300.000 đồng.

6. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Phú An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre,
- xã Phước Mỹ Trung (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thuý

